

Số: 38/2019/QĐST- HNGĐ

Mai Sơn, ngày 21 tháng 06 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí N 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 89/2019/TLST-VDS ngày 04 tháng 06 N 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Vũ Thị N, sinh N 1968 và ông Dương Minh K, sinh N 1961 cùng trú tại Bản Nong P, xã Chiềng M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà Vũ Thị N và ông Dương Minh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ N 1991 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông bà có đăng K kết hôn tại UBND xã Chiềng M, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 28/01/1991.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 20 N thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến nay cả hai đã xác nhận tình cảm không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên. Tại phiên hòa giải, bà N, ông K vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình N 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà N, ông K.

[2] Về con chung: Bà N, ông K có 01 con chung là Dương Hoàng L, sinh ngày 14/12/1990. Hiện nay đã đủ tuổi trưởng thành đã đi làm và có công việc ổn định tự chăm lo cho bản thân không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Bà N, ông K tự nguyện thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà N nhận nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000VNĐ.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 06 N 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị N và ông Dương Minh K nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N, ông K có 01 con chung là Dương Minh L sinh ngày 14/12/1990 đủ tuổi trưởng thành, có công việc ổn định tự chăm lo cho bản thân không đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Bà N, ông K không đề nghị Tòa án giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà N nhận chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0002185 ngày 04 tháng 06 N 2019 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng M;
- Thi hành án dân sự, huyện mai sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Kiều Anh